

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

HỒ SƠ YÊU CẦU
GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Tên gói thầu:** Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.
- Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến
cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế
Thường Phước.
- Chủ đầu tư:** Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ: Số 3, đường Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng
Tháp.

NĂM 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Tên gói thầu: Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch
Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước
Phát hành ngày: Ngày tháng năm 2026
Ban hành kèm theo Quyết định: Quyết định số/QĐ-BQL ngày/...../2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp

Chủ đầu tư
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Duy Thanh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|-----------------------------|---|
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| HSDX | Hồ sơ đề xuất |
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) |
| Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| Thông tư số 79/2025/TT-BTC | Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia |
| Thông tư số 80/2025/TT-BTC | Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu |
| VND | Đồng Việt Nam |
| DVTV | Dịch vụ tư vấn |

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

1. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu: Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn Sự nghiệp kinh tế cấp Tỉnh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: **20 ngày**, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành DVTV. Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ tổ chức các cuộc họp, bảo vệ, thẩm định, phê duyệt và đến các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch họa ...

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III ;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
4. Đề xuất về giá theo Mẫu số 12A, 12B, 13, 14 và 15 Chương III;
5. Các nội dung khác: Không có.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu phải phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12B Chương III.

2. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện hợp đồng ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian, giá dự thầu không bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Căn cứ phạm vi DVTV hoặc các nội dung yêu cầu khác, Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, nhân sự, tiến độ thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương III để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là **60 ngày** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 03 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên

đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: **17 giờ, ngày tháng 3 năm 2026.**

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDX. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 11 Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công

việc gói thầu.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 10% giá dự thầu của nhà thầu giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của HSYC, thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu và tỷ lệ tiết kiệm.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện (nếu có) và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

+ Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ: Số 3, đường Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

+ Số điện thoại: 02733 871 808.

+ E-mail: Bqlkkt@dongthap.gov.vn.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

+ Người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ: Số 23, Đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

+ E-mail: vp-ubnd@dongthap.gov.vn.

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị:

+ Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp.

+ Địa chỉ: Số 05, đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

+ E-mail: stc@dongthap.gov.vn.

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:

+ Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: Số 43, đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

+ Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị:

Mục 18. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

Ưu đãi: Không có.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế:

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu năm 2026 và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm 2026, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm 2025 (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2026, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2024*);

- d) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- đ) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
- e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;
- g) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
- h) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDX được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật gồm các nội dung tại Bảng số 01 sau đây:

Bảng số 01

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|------------|---|-------------|--|----------------------------|
| 1 | Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu | 10 | | 5 |
| 1.1 | <p>Đã thực hiện Hợp đồng Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (hoàn thành từ ngày 01/01/2021 đến nay, xác định theo ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành sản phẩm tư vấn):</p> <p>Tài liệu chứng minh: Bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu sau:</p> <p>(01) Hợp đồng;</p> <p>(02) Quyết định phê duyệt;</p> <p>(03) Biên bản nghiệm thu;</p> <p><i>* Trường hợp với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm và năng lực được xác định bằng tổng kinh nghiệm và năng lực của các thành viên liên danh; song phải bảo đảm từng thành viên liên danh phải có kinh nghiệm và năng lực tương ứng với phần việc mà mình đảm nhận trong liên danh.</i></p> | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện \geq 02 hợp đồng (10 điểm) - Có 01 hợp đồng (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | 5 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|--|-------------|--|----------------------------|
| 2 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu | 5 | | 5 |
| 2.1 | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu. - Không có hợp đồng tương tự bị kết luận vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu vi phạm các điểm a), b), c), d), đ), e), g), h) và điểm i) tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên (5,0 điểm) - Không đáp ứng yêu cầu trên (0 điểm) | 5 |
| 3 | Giải pháp và phương pháp luận | 35 | | 25 |
| 3.1 | Hiểu rõ mục đích gói thầu | 6 | | 4,2 |
| 3.1.2 | Về mục tiêu, phạm vi, quy mô, nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu | 3 | <ul style="list-style-type: none"> a) Có sự nghiên cứu, am hiểu sâu sắc về mục tiêu, phạm vi, quy mô, nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu: (3 điểm). b) Có sự nghiên cứu nhưng chưa thể hiện được sự am hiểu về mục tiêu, phạm vi, quy mô, nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu: (2,1 điểm) | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|--|-------------|--|----------------------------|
| | | | c) Không có sự nghiên cứu về mục tiêu, phạm vi, quy mô, nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu: (0 điểm). | |
| 3.1.2 | Nghiên cứu về vị trí địa lý, mối liên kết vùng, khu vực nghiên cứu quy hoạch. Đánh giá sơ bộ về hiện trạng khu vực lập quy hoạch của gói thầu (địa hình, dân cư, điều kiện tự nhiên) | 3 | <p>a) Có sự nghiên cứu về vị trí địa lý, mối liên kết vùng, đặc điểm (tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng) khu vực nghiên cứu quy hoạch; Phân tích được sự liên hệ của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu với các đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội chung; đánh giá đặc điểm sơ bộ hiện trạng về địa hình, dân cư, điều kiện tự nhiên của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu: (3 điểm)</p> <p>b) Có sự nghiên cứu về vị trí địa lý, mối liên kết vùng, đặc điểm (tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng) khu vực nghiên cứu quy hoạch. Nhưng chưa phân tích được sự liên hệ của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu với các đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội chung; chưa đánh giá đặc điểm sơ bộ hiện trạng về địa hình, dân cư, điều kiện tự nhiên của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu: (2,1 điểm).</p> | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|------------|---|-------------|---|----------------------------|
| | | | c) Không có sự nghiên cứu về vị trí địa lý, mối liên kết vùng, đặc điểm (tự nhiên, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng) khu vực nghiên cứu quy hoạch; Không phân tích được sự liên hệ của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu với các đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội chung; Không đánh giá đặc điểm sơ bộ hiện trạng về địa hình, dân cư, điều kiện tự nhiên của khu vực lập quy hoạch của gói thầu theo điều khoản tham chiếu: (0 điểm). | |
| 3.2 | Cách tiếp cận và phương pháp luận | 9 | | 6,3 |
| 3.2.1 | Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic. Đồng thời có phân công nhiệm vụ cụ thể, chi tiết cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho gói thầu | 3 | a) Có đề xuất kỹ thuật thể hiện rõ ràng các nội dung của gói thầu: (3 điểm). b) Có đề xuất kỹ thuật nhưng trình bày sơ sài: (2,1 điểm). c) Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: (0 điểm). | 2,1 |
| 3.2.2 | Đề xuất phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của gói thầu | 3 | a) Có phương pháp luận đầy đủ, toàn diện, phù hợp với nhiệm vụ: (3 điểm) b) Có phương pháp luận chưa đầy đủ với nhiệm vụ (chấp nhận được): (2,1 điểm) | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|--|-------------|---|----------------------------|
| | | | c) Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: (0 điểm) | |
| 3.2.3 | Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào thực hiện tốt công việc | 3 | a) Có giải pháp hợp lý, khả thi để thực hiện công việc: (3 điểm). b) Có giải pháp nhưng có vài điểm chưa hợp lý để giải quyết công việc: (2,1 điểm). c) Không có giải pháp hoặc giải pháp không phù hợp: (0 điểm). | 2,1 |
| 3.3 | Sáng kiến cải tiến để đồ án quy hoạch có hiệu quả và chất lượng tốt hơn. | 3 | a) Đề xuất sáng kiến cải tiến và đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện và triển khai đồ án: (3 điểm). b) Có đề xuất sáng kiến cải tiến nhưng không đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả trong quá trình thực hiện và triển khai đồ án: (2,1 điểm). c) Không có sáng kiến cải tiến: (0 điểm). | 2,1 |
| 3.4 | Cách trình bày (Đề xuất được kết cấu và trình bày hợp lý dễ theo dõi, đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục). | 3 | a) Có đề xuất đầy đủ, phù hợp, hoàn chỉnh, thuyết phục: (3 điểm) b) Có đề xuất chưa đầy đủ (chấp nhận được): (2,1 điểm) c) Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý: (0 điểm) | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-----|----------------------------|-------------|---|----------------------------|
| 3.5 | Kế hoạch triển khai | 3 | <p>a) Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện đề án, mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp với các quy trình, quy chuẩn chuyên ngành. Kế hoạch triển khai phù hợp với tiến độ và có tổng thời gian thực hiện hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng thời gian yêu cầu và có biểu đồ tiến độ cụ thể: (3 điểm.)</p> <p>b) Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện đề án, mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách chi tiết, rõ ràng và phù hợp với các quy trình, quy chuẩn chuyên ngành. Kế hoạch triển khai phù hợp với tiến độ và có tổng thời gian thực hiện hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng thời gian yêu cầu nhưng không có biểu đồ tiến độ cụ thể: (2,1 điểm).</p> <p>c) Không có kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện đề án hoặc có Kế hoạch nhưng không phù hợp với các quy trình, quy chuẩn chuyên ngành hoặc có Kế hoạch phù hợp nhưng có tổng thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn thời gian yêu cầu của gói thầu: (0 điểm)</p> | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|------------------------------------|----------|-------------|---|----------------------------|
| 3.6 | Bố trí nhân sự | | 3 | <p>a) Nhân sự được bố trí đầy đủ, hợp lý theo yêu cầu về nhân sự của HSYC và thời gian huy động nhân sự phù hợp với Kế hoạch triển khai thực hiện: (3 điểm).</p> <p>b) Nhân sự được bố trí đầy đủ, hợp lý theo yêu cầu về nhân sự nhưng thời gian huy động nhân sự chưa phù hợp với Kế hoạch triển khai thực hiện: (2,1 điểm).</p> <p>c) Nhân sự được bố trí không đầy đủ, hợp lý theo yêu cầu của HSYC, thời gian huy động nhân sự không phù hợp với Kế hoạch triển khai thực hiện: (0 điểm)</p> | 2,1 |
| 3.7 | Tiến độ thực hiện gói thầu | | 8 | <p>a) Đề xuất thời gian thực hiện ≤ 20 ngày (8 điểm)</p> <p>b) Thời gian thực hiện > 20 ngày (0 điểm)</p> | 6,1 |
| 4 | Nhân sự: | | 50 | | 35 |
| | Vị trí | Số lượng | | | |
| 4.1 | Chủ nhiệm; chủ trì đồ án quy hoạch | 01 | 10 | | 7 |
| 4.1.1 | Trình độ chuyên môn: | | 2 | - Có Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (2 điểm) | 1,4 |

| Stt | Tiêu chuẩn | | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|------------|--|-----------|-------------|---|----------------------------|
| | - Tốt nghiệp đại học trở lên, có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng từ hạng II trở lên còn hiệu lực. | | | - Không đáp ứng tiêu chí trên (0 điểm) và (tiêu chí 4.1.2 và 4.1.3 chấm 0 điểm) | |
| 4.1.2 | Thâm niên công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính theo ngày cấp bằng): | | 3 | - Số năm kinh nghiệm > 5 năm (3 điểm) - Số năm kinh nghiệm từ 3 - 5 năm (2,1 điểm) - Số năm kinh nghiệm < 3 năm (0 điểm) | 2,1 |
| 4.1.3 | Kinh nghiệm chuyên môn về việc Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoá đơn tài chính, hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành gói thầu</i>) | | 5 | - Đã tham gia ≥ 01 gói thầu Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch đảm nhiệm chức danh Chủ nhiệm lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | 3,5 |
| 4.2 | Chủ trì kiến trúc quy hoạch | 01 | 10 | | 7 |
| 4.2.1 | Trình độ chuyên môn: - Tốt nghiệp đại học trở lên, Có chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc còn hiệu lực. | | 2 | - Có Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (2 điểm) - Không đáp ứng tiêu chí trên (0 điểm) và (tiêu chí 4.2.2 và 4.2.3 chấm 0 điểm) | 1,4 |
| 4.2.2 | Thâm niên công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính theo ngày cấp bằng): | | 3 | - Số năm kinh nghiệm > 5 năm (3 điểm) - Số năm kinh nghiệm từ 2-3 năm (2,1 điểm) | 2,1 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|--|-------------|---|----------------------------|
| | | | - Số năm kinh nghiệm < 2 năm (0 điểm) | |
| 4.2.3 | Kinh nghiệm chuyên môn về việc Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoá đơn tài chính, hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành gói thầu</i>) | 5 | - Đã tham gia ≥ 01 gói thầu Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch đảm nhiệm chức danh Chủ trì kiến trúc quy hoạch (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | 3,5 |
| 4.3 | Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống giao thông | 01 | 10 | 7 |
| 4.3.1 | Trình độ chuyên môn: - Tốt nghiệp đại học trở lên, có chứng chỉ hành nghề Thiết kế xây dựng công trình Giao thông (đường thủy nội địa, hàng hải) hạng II trở lên còn hiệu lực | 2 | - Có Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (2 điểm) - Không đáp ứng tiêu chí trên (0 điểm) và (tiêu chí 4.3.2 và 4.3.3 chấm 0 điểm) | 1,4 |
| 4.3.2 | Thâm niên công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính theo ngày cấp bằng): | 3 | - Số năm kinh nghiệm > 5 năm (3 điểm) - Số năm kinh nghiệm từ 2-3 năm (2,1 điểm) - Số năm kinh nghiệm < 2 năm (0 điểm) | 2,1 |
| 4.3.3 | Kinh nghiệm chuyên môn về việc Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy | 5 | - Đã tham gia ≥ 01 gói thầu Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy | 3,5 |

| Stt | Tiêu chuẩn | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu | |
|-------|--|-------------|--|----------------------------|----------|
| | hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoá đơn tài chính, hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành gói thầu</i>) | | hoạch đảm nhiệm chức danh Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống giao thông (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | | |
| 4.4 | Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống điện | 01 | 10 | | 7 |
| 4.4.1 | Trình độ chuyên môn: - Tốt nghiệp đại học trở lên, Có chứng chỉ hành nghề Thiết kế cơ – điện công trình hạng II trở lên còn hiệu lực. | 2 | - Có Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (2 điểm) - Không đáp ứng tiêu chí trên (0 điểm) và (tiêu chí 4.4.2 và 4.4.3 chấm 0 điểm) | 1,4 | |
| 4.4.2 | Thâm niên công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính theo ngày cấp bằng): | 3 | - Số năm kinh nghiệm > 5 năm (3 điểm) - Số năm kinh nghiệm từ 2-3 năm (2,1 điểm) - Số năm kinh nghiệm < 2 năm (0 điểm) | 2,1 | |
| 4.4.3 | Kinh nghiệm chuyên môn về việc Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoá đơn tài chính, hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành gói thầu</i>) | 5 | - Đã tham gia ≥ 01 gói thầu Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch đảm nhiệm chức danh Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống điện (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | 3,5 | |

| Stt | Tiêu chuẩn | | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết (nếu có) | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|-------|--|-----------|-------------|--|----------------------------|
| 4.5 | Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống cấp thoát nước | 01 | 10 | | 7 |
| 4.5.1 | Trình độ chuyên môn: - Tốt nghiệp đại học trở lên, Có chứng chỉ hành nghề Thiết kế cấp – thoát nước công trình hạng II trở lên còn hiệu lực | | 2 | - Có Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự (2 điểm) - Không đáp ứng tiêu chí trên (0 điểm) và (tiêu chí 4.5.2 và 4.5.3 chấm 0 điểm) | 1,4 |
| 4.5.2 | Thâm niên công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính theo ngày cấp bằng): | | 3 | - Số năm kinh nghiệm > 5 năm (3 điểm) - Số năm kinh nghiệm từ 2-3 năm (2,1 điểm) - Số năm kinh nghiệm < 2 năm (0 điểm) | 2,1 |
| 4.5.3 | Kinh nghiệm chuyên môn về việc Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc hoá đơn tài chính, hoặc tài liệu chứng minh đã hoàn thành gói thầu</i>) | | 5 | - Đã tham gia \geq 01 gói thầu Tư vấn lập quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch/lập nhiệm vụ quy hoạch đảm nhiệm chức danh Chủ trì thiết kế quy hoạch hệ thống cấp thoát nước (5 điểm) - Không đáp các điều kiện trên (0 điểm) | 3,5 |
| 5 | Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm) | | 0 | Không yêu cầu | 0 |
| | Tổng cộng (100%) | | 100 | | 70 |

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong HSYC ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật

cao, đặc thù). HSDX không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu vẫn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). HSDX có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được đánh giá về tài chính.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 68 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định tại Mục 14 Chương I.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*]
(sau đây gọi là *Chủ đầu tư*)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu*]. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của HSYC*].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là _____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX

tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là __ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của __ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại __ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho __ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu __ [Ghi tên gói thầu] thuộc __ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do __ [Ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

- [- Ký đơn dự thầu;*
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]⁽²⁾*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của __ [Ghi tên nhà thầu]. __ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do __ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp
luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu*]Thuộc: ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]- Căn cứ ____ [*Luật Đấu thầu*]⁽²⁾;- Căn cứ ____⁽²⁾;- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*]
ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số __ ngày __ tháng __ năm __ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh*- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng*- *Hình thức xử lý khác* _____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để

thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

| STT | Tên | Nội dung công việc đảm nhận | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|---|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh | | |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | | |
| | | | |
| Tổng cộng | | Toàn bộ công việc của gói thầu | 100% |

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo đơn giá⁽¹⁾

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|--|-------------|------------|
| 1 | <i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương IV</i> | | |
| 2 | | | |

2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian⁽²⁾

| STT | Mô tả công việc |
|-----|--|
| 1 | <i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương IV</i> |
| 2 | |

Ghi chú:

(1) Áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo đơn giá;

(2) Áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các bảng trên tương ứng cho từng hạng mục công việc.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp HSDX.

| Thời gian | Tên công việc (mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính) | Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc | Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện) | Vai trò trong công việc (ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh) | Thời gian thực hiện gói thầu (ghi rõ từ ngày... đến ngày...) | Thời gian thực hiện gói thầu thực tế (từ ngày... đến ngày...) Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do |
|-----------|---|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

| | |
|-----------------------------|---------------------------|
| Tên và số của vị trí tư vấn | [Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM] |
| Tên chuyên gia tư vấn: | [điền tên đầy đủ] |
| Ngày sinh: | [ngày/tháng/năm] |
| Quốc tịch | |

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được] _____

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

| Thời gian (từ...đến...) | Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu | Địa điểm làm việc | Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu |
|-------------------------|---|-------------------|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc): _____

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 10 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu gửi kèm hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng HSDX.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

| STT | Nội dung công việc ⁽¹⁾ | Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ | | | | | | | |
|-----|--------------------------------------|-------------------------------|---|---|---|---|-------|---|------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | n | Tổng |
| 1 | <i>[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:</i> | | | | | | | | |
| | <i>1) Thu thập dữ liệu</i> | | | | | | | | |
| | <i>2) Soạn thảo báo cáo</i> | | | | | | | | |
| | <i>3) Báo cáo sơ bộ</i> | | | | | | | | |
| | <i>4) Tổng hợp ý kiến</i> | | | | | | | | |
| | <i>5) ...</i> | | | | | | | | |
| | <i>6) Báo cáo cuối cùng]</i> | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 2 | <i>[Hạng mục công việc 2]</i> | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Ghi chú:

1. Trường hợp HSYC có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này, nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định trong HSYC.
2. Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương II.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

| STT | Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾ | Phạm vi công việc ⁽³⁾ | Khối lượng công việc ⁽⁴⁾ | Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾ | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾ |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSĐX. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

| STT | Họ và tên (1) | Chức danh bổ trí trong gói thầu (2) | Địa điểm làm việc (3) | Thù lao/tháng- (ngày) người (4) | Số tháng (ngày) người (5) | Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5) | Tổng (7) |
|-----------|-------------------------|---|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--|-------------|
| I | Nhân sự chủ chốt | | | | | | |
| 1 | | | Công ty | | | (a) | (a)+(b) |
| | | | Thực địa | | | (b) | |
| 2 | | | Công ty | | | | |
| | | | Thực địa | | | | |
| | | | | | | | |
| II | Nhân sự khác | | | | | | |
| 1 | | | Công ty | | | | |
| | | | Thực địa | | | | |
| 2 | | | Công ty | | | | |
| | | | Thực địa | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | Tổng cộng | A |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 2 Mẫu số 04 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền theo Mẫu số 12A trong trường hợp HSYC không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia. Trường hợp HSYC yêu cầu phân tích thù lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành cả Mẫu số 12B Chương này.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

| STT | Họ tên chuyên gia/ Chức danh | Địa điểm làm việc | Lương cơ bản | Chi phí xã hội ¹ | Chi phí quản lý chung ² | Cộng | Lợi nhuận | Phụ cấp xa nhà | Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) |
|-----|---------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) = % của (3) | (5) = % của (3) | (6) = (3)+(4)+(5) | (7) = % của (6) | (8) | (9)=(6)+(7)+(8) |
| 1 | Nguyễn Văn A/ Trưởng nhóm | Công ty | | | | | | | |
| | | Thực địa | | | | | | | |
| ... | | Công ty | | | | | | | |
| | | Thực địa | | | | | | | |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này.

¹ Chi phí xã hội bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

² Chi phí quản lý chung là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

| STT | Miêu tả | Đơn vị tính | Chi phí/đơn vị (1) | Số lượng (2) | Chi phí (3) = (1) x (2) |
|---------------------|----------------------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------------|
| 1 | [Công tác phí] | [Ngày] | | | |
| 2 | [Chuyến bay] | [Chuyến] | | | |
| 3 | [Chi phí liên lạc] | | | | |
| 4 | [Thiết bị, tài liệu...] | | | | |
| 5 | [Chi phí đi lại trong nước] | | | | |
| 6 | [Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ] | | | | |
| 7 | [Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư] | | | | |
| Tổng chi phí | | | | | B |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

| STT | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (bao gồm VAT) | Thành tiền (bao gồm VAT) |
|------------------|--|-------------|------------|-----------------------|--------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (4) x (5) |
| I | Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói | | | | M1 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| II | Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá | | | | M2 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | M = M1 + M2 |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2), (3), (4): chủ đầu tư điền

(5), (6) Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

| | |
|---|------------------|
| Thù lao cho chuyên gia | A |
| Chi phí khác cho chuyên gia | B |
| Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng | M |
| Tổng chi phí | A + B + M |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Điều khoản tham chiếu bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về đồ án

1.1. *Tên đồ án:* Quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước.

1.2. *Địa điểm:* xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. *Chủ đầu tư:* Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 978/QĐ-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1492/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị Cửa khẩu quốc tế Thường Phước, huyện Hồng Ngự theo tiêu chí đô thị loại V.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch; hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng Lô F khu đô thị cửa khẩu quốc tế Thường Phước nhằm phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, khai thác lợi thế Cảng Thường Phước nằm trên tuyến đường thủy huyết mạch sông Tiền kết nối với Campuchia, đóng vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng và phát huy tiềm năng phát triển khu vực cửa khẩu; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút, kêu gọi, xúc tiến các dự án đầu tư bằng hình thức Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án phải đáp ứng theo mục tiêu, nhu cầu đầu tư nhóm cảng biển Đồng Tháp được phê duyệt tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 978/QĐ-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, góp phần thúc đẩy phát triển ngành sản xuất, thương mại dịch vụ - kho logistics - cảng, chuyên dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo quốc phòng an ninh, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội biên giới.

1.5. Phạm vi ranh giới, quy mô đất lập quy hoạch

- Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch nằm trong Khu đô thị cửa khẩu Thường Phước, tiếp giáp đường ĐT 841 và đường quy hoạch N1 với các hướng tiệm cận như sau:

- + Phía Bắc: Giáp kênh Thường Phước – Ba Nguyễn;
- + Phía Nam: Giáp đường quy hoạch N1;
- + Phía Đông: Giáp Đường ĐT 841;

+ Phía Tây: Giáp sông Tiên.

- Quy mô lập quy hoạch: khoảng 15,2 ha. Trong đó:

+ Vùng đất bao gồm phạm vi vùng đất của Cầu cảng (01 cầu cảng lồng/khí dài 140m; 01 cầu cảng tổng hợp, container, hành khách dài 140m), một phần đất đường giao thông (N1, ĐT841) và toàn bộ diện tích Lô F thuộc Quy hoạch phân khu đô thị Cửa khẩu quốc tế Thường Phước được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại Quyết định số 1492/QĐ-UBND-HC ngày 28/09/2020 với diện tích khoảng 11,2 ha.

+ Vùng nước cầu cảng, bến cảng diện tích khoảng 4,0 ha.

1.6. *Nguồn vốn*: Nguồn sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh.

2. Giới thiệu gói thầu:

2.1. *Tên gói thầu*: Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

2.2. *Thời gian thực hiện gói thầu*: 20 ngày.

2.3. *Hình thức lựa chọn nhà thầu*: Chỉ định thầu thông thường.

2.4. *Mục đích tuyển chọn nhà thầu*: Nhằm tuyển chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu lập nhiệm vụ quy hoạch.

II. Phạm vi công việc:

1. Cơ sở pháp lý thực hiện gói thầu:

- Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn ngày 26/11/2024;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn ngày 11/12/2025;

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

- Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

- Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/7 2023;

- Nghị quyết số 242/NQ-CP ngày 20/12/2024 của Chính phủ về việc xác định phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Dinh Bà và phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Thường Phước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1663/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Tháp năm 2025;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 178/2015/NĐ-CP ngày 01/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;
- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;
- Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 978/QĐ-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1492/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị Cửa khẩu quốc tế Thường Phước, huyện Hồng Ngự theo tiêu chí đô thị loại V;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/07/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;
- Văn bản số 1909/UBND-ĐTQH ngày 26/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng và kêu gọi đầu tư tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước;
- Quyết định số 19/QĐ-BQL ngày 26/02/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt dự toán chi phí công việc ở giai đoạn chuẩn bị lập quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước;

- Quyết định số 20/QĐ-BQL ngày 26/02/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp về việc về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu ở giai đoạn chuẩn bị lập quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước;

- Các văn bản khác liên quan.

2. Tiến độ thực hiện:

- Nhà thầu đưa ra phương án thực hiện, trong đó đề xuất tiến độ thực hiện chi tiết cho mỗi phần công việc tư vấn.

- Tiến độ thực hiện: 20 ngày.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

- Ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết có hiệu lực.

4. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:

- Phạm vi công việc đối với Nhà thầu: Tiến hành công tác lập nhiệm vụ quy hoạch Quy hoạch chi tiết Bến cảng Thường Phước 1 và Bến cảng Thường Phước 2 tại Lô F – Khu cửa khẩu quốc tế Thường Phước đảm bảo yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và môi trường xây dựng. Tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định pháp luật hiện hành.

- Sản phẩm giao nộp: Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch tuân thủ theo Điều 21 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024 và Điều 2, Điều 3, Điều 6 Nghị định số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lên danh mục khối lượng công việc thực hiện và các yêu cầu đề xuất cần thiết với chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc.

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc. Bất cứ tại giai đoạn nào, khi Chủ đầu tư cần thiết đều có thể kiểm tra về tiến độ thực hiện, mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu để giảm thiểu rủi ro cũng như có sự phối hợp cụ thể. Ngoài những báo cáo thường xuyên theo như cam kết, nhà thầu phải làm các báo cáo đột xuất khi Chủ đầu tư yêu cầu.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

* Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu: Đáp ứng theo yêu cầu quy định tại HSYC.

* Năng lực, kinh nghiệm của nhân sự nhà thầu bố trí tham gia thực hiện:

- Đáp ứng theo yêu cầu quy định tại HSYC;

- Nếu vì lí do bất khả kháng phải thay đổi nhân sự thì nhân sự thay thế phải có năng lực tương đương hoặc cao hơn và phải báo cáo chủ đầu tư chấp thuận sự thay đổi này.

- Có kế hoạch và biểu tiến độ chi tiết làm việc để đạt hiệu quả cao nhất.

- Không được sử dụng tài liệu của chủ đầu tư một cách bừa bãi, tiếp cận và tiết lộ thông tin khi chưa được phép của chủ đầu tư.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; lập và lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện dự án đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình đảm nhận theo pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong báo cáo và hồ sơ trình cho chủ đầu tư phê duyệt.

- Bồi thường thiệt hại khi sử dụng thông tin, tài liệu không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc và vi phạm hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

- Trong trường hợp tiến độ yêu cấp bách Chủ Đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu bổ sung thêm nhân sự để đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|---|--|
| <p>1. Định nghĩa</p> | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p> |
| <p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p> | <p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> |

| | |
|---|---|
| | <p>d) ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;</p> <p>g) HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> |
| <p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p> | <p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p> |
| <p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p> | <p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> |

| | |
|----------------------------|--|
| | <p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> |
| <p>5. Bản quyền</p> | <p>5.1. Trừ trường hợp ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p> |
| <p>6. Bảo hiểm</p> | <p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> |

| | |
|--|---|
| | 6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn. |
| 7. Loại hợp đồng | Loại hợp đồng: được quy định tại ĐKCT . |
| 8. Giá hợp đồng | Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của HSYC. |
| 9. Thuế, phí | Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng. |
| 10. Tạm ứng và thanh toán | Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT . |
| 11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ | Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT . |
| 12. Thời gian thực hiện hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT . |
| 13. Sửa đổi hợp đồng | <p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> |
| <p>14. Nhân sự</p> | <p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSDX trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong HSDX. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p> |
| <p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p> | <p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; |

| | |
|--|--|
| | <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p> |
| <p>16. Nhà thầu phụ</p> | <p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDX chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p> |
| <p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt</p> | <p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.</p> |

| hại | |
|--|---|
| <p>18. Tạm dừng đồng hợp</p> | <p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p> |
| <p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p> | <p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> |
| <p>20. Chấm dứt hợp</p> | <p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi</p> |

| | |
|-------------------------------------|--|
| đồng do lỗi của chủ đầu tư | chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại ĐKCT . |
| 21. Trường hợp bất khả kháng | <p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng. |
| <p>22. Giải quyết tranh chấp</p> | <p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong ĐKCT.</p> |
| <p>23. Thông báo</p> | <p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p> |

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|---------------------|--|
| ĐKC 1.1 | Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 03, đường Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp. |
| ĐKC 1.3 | Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> |
| ĐKC 1.10 | Địa điểm dự án: xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp. |
| ĐKC 1.11 | Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng. |
| ĐKC 2.2 (i) | Các tài liệu khác: Quyết định phê duyệt kết quả LCNT, HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu (nếu có); HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); các tài liệu khác theo quy định. |
| ĐKC 4.1 | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng. |
| ĐKC 5.1 | Các trường hợp khác: Không áp dụng. |
| ĐKC 7 | Loại hợp đồng: Trọn gói. |
| ĐKC 8 | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. |
| ĐKC 10 | 10.1. Tạm ứng: Không áp dụng. 10.2. Thanh toán. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế. |
| ĐKC 11 | Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng. |
| ĐKC 12 | Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày. |
| ĐKC 13.1 | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 03 ngày. |
| ĐKC 13.2 (e) | Các trường hợp khác: Sẽ ghi cụ thể trong hợp đồng. |

| | |
|-----------------|--|
| ĐKC 14.2 | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày làm việc. |
| ĐKC 16.1 | Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDX</i>]. |
| ĐKC 16.2 | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng. |
| ĐKC 16.4 | Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [<i>Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>]. |
| ĐKC 17 | <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt với mức 0,3% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị chậm thực hiện cho mỗi ngày chậm, nhưng tổng mức phạt vi phạm không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm..</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p><i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p> |
| ĐKC 19.1 | Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDX hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc chậm tiến độ thực hiện hợp đồng. |
| ĐKC 20 | Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: Sẽ ghi cụ thể trong hợp đồng. |
| ĐKC 22.2 | Giải quyết tranh chấp: Sẽ ghi cụ thể trong hợp đồng. |
| ĐKC 23.1 | Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: |

| |
|--|
| <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 03, đường Lê Lợi, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p> |
|--|

CHƯƠNG VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi ĐKC, các điều khoản trong ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/Tư vấn khảo sát xây dựng công trình/Tư vấn thiết kế xây dựng công trình/Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

Số:/(Năm) /... (Ký hiệu hợp đồng)

Dự án hoặc công trình hoặc gói thầu

Số

thuộc dự án

giữa

(Tên giao dịch của Chủ đầu tư)

và

(Tên giao dịch của Nhà thầu tư vấn)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Điều 9. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình

Điều 10. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

Điều 11. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 12. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 13. Giá hợp đồng

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 17. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 18. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 19. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 20. Bảo hiểm

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 22. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 27. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 28. Tạm ứng và thanh toán

Điều 29. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 30. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 31. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|-------------------------------|---|
| ĐKC | Điều kiện chung |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| HSDX | Hồ sơ đề xuất |
| Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội. |
| Luật số 62/2020/QH14 | Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. |
| Nghị định số 37/2015/NĐ-CP | Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. |
| Nghị định số 50/2021/NĐ-CP | Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. |
| Nghị định số 06/2021/NĐ-CP | Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. |
| Nghị định số 15/2021/NĐ-CP | Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. |

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm tại (Địa danh), chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: Đại diện
(hoặc người được ủy quyền) là: Ông/Bà
Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài Khoản:

Mã số thuế:

Đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

Điện thoại:

Fax:

.....

E-mail:

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn:

Tên giao dịch: Đại diện
(hoặc người được ủy quyền) là: Ông/Bà

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài Khoản:

Mã số thuế:

Đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

Điện thoại:

Fax:

.....

E-mail:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ngày....tháng....năm....
(Trường hợp được ủy quyền)

(Trường hợp là liên danh các nhà thầu thì phải ghi đầy đủ thông tin các thành viên trong liên danh và cử đại diện liên danh giao dịch)

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn của gói thầu thuộc dự án/công trình (tên dự án/công trình) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BXD ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ (các căn cứ khác nếu có);

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu tại văn bản số

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là... *(tên giao dịch Chủ đầu tư).*
2. Nhà thầu tư vấn là ... *(tên của Nhà thầu tư vấn).*
3. Dự án là dự án ... *(tên dự án).*
4. Công trình là ... *(tên công trình mà nhà thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng theo hợp đồng).*
5. Gói thầu là ... *(tên gói thầu mà nhà thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng theo hợp đồng).*
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều ... [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT *(hoặc HSYC)* của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSMT *(hoặc HSYC)* của Chủ đầu tư].

11. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số ... [HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn].

12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).

13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;

đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

e) HSDT hoặc HSDX của Nhà thầu tư vấn;

g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
2. Nhà thầu tư vấn phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị là ____ [quy định tại **ĐKCT**].
3. Nhà thầu tư vấn sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu tư vấn khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.
5. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.
6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số ... [HSMT (*hoặc* HSYC) của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:
 - a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
 - b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
 - c) Khảo sát hiện trường.
 - d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình.
 - đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.
 - e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.

- g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn.
- h) Nghiên cứu địa vật lý.
- i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.
- k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn.
- l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.
- m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
- n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
- b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số... [HSMT (*hoặc* HSYC) của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Nghiên cứu nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.
- b) Nghiên cứu hồ sơ tài liệu đã có liên quan đến lập báo cáo nghiên cứu khả thi của hợp đồng.
- c) Khảo sát địa điểm dự án, điều tra, nghiên cứu thị trường, thu thập số liệu về tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.
- d) Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.
- đ) Sửa đổi, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở (nếu có).

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm:

- a) Thiết kế cơ sở.
- b) Các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong đó bao gồm tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Điều 9. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số... [HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt.
- b) Khảo sát thực địa để lập thiết kế.
- c) Thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các khoản 23 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 79, 80 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.
- d) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).
- đ) Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình được lập cho từng công trình bao gồm:

- a) Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo.
- b) Chỉ dẫn kỹ thuật.
- c) Dự toán xây dựng công trình.
- d) Quy trình bảo trì công trình xây dựng

Điều 10. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số... [HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.
- b) Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn phải lập và trình sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:

- a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo.
- b) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 11. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng; Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng.

3. Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Nhiệm vụ tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt đối với tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; Nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng; Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng.

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 13. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều... [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tư vấn thiết kế xây dựng công trình và tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi thực địa.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.
- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.
- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh

giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công

trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 17. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 18. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số ... [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số... [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng... ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số ... [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 19. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 20. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm

thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 22. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều ... (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều ... [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều ...[Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều ...[Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].
- b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều ...[Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều ...[Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].
- d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].
- đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều ...[Giá hợp đồng] và Điều ...[Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng ... ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư ... bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn ... ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều ... [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 26. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

Lần 2: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 27. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục số... [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 28. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại **ĐKCT**], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là [quy định tại **ĐKCT**] với số tiền là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là ___ [quy định tại **ĐKCT**].

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo Phụ lục số... [Biên bản nghiệm thu khối lượng].

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo Phụ lục số... [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số... [Đề nghị thanh toán].

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định (áp dụng đối với công tác khảo sát xây dựng công trình):

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế theo mẫu tại Phụ lục số... [Biên bản nghiệm thu khối lượng].

- Bảng tính giá trị những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có) theo Phụ lục số... [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số... [Đề nghị thanh toán].

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh (áp dụng đối với công tác khảo sát xây dựng công trình):

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế theo mẫu tại Phụ lục số... [Biên bản nghiệm thu khối lượng].

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (đơn giá thanh toán) theo thỏa thuận tại Phụ lục số ... [Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh].

- Bảng tính giá trị những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có) theo Phụ lục số... [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số... [Đề nghị thanh toán].

4. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu tư vấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu của gói thầu, giảm bớt thủ tục không cần thiết.

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

(Trường hợp hợp đồng có sự tham gia của phía nước ngoài thì đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam và ngoại tệ. Trường hợp cụ thể do các bên thỏa thuận phù hợp với HSMT hoặc HSYC và không trái pháp luật).

Điều 29. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 30. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu tư vấn với mức thưởng tối đa [quy định tại **ĐKCT**].

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều ... [Giá hợp đồng] và Điều ... [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 31. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: ____ [Ghi cụ thể loại hợp đồng là hợp đồng gì trong các loại hợp đồng sau: Hợp đồng trọn gói; Hợp đồng theo đơn giá cố định; Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; Hợp đồng theo thời gian; Hợp đồng theo chi phí cộng phí; Hợp đồng xây dựng khác; Hợp đồng theo giá kết hợp].

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng *[Ghi cụ thể ngôn ngữ của hợp đồng được thể hiện bằng tiếng Việt. Trường hợp hợp đồng có yếu tố nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng nước ngoài do các bên thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì sử dụng tiếng Anh, các bên phải thỏa thuận ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có)].*

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

(Trường hợp hợp đồng có yếu tố nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng nước ngoài do các bên thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì sử dụng tiếng Anh (các bên thỏa thuận ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng, nếu có)).

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương ____ *[Ghi cụ thể là tương đương bao nhiêu % giá hợp đồng].*

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là ____ *[Ghi cụ thể số lượng là bao nhiêu bộ].*

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: *[Ghi cụ thể tổng số tiền (bao gồm cả thuế VAT), loại tiền được sử dụng (như: VNĐ, USD,...), số tiền bằng chữ].*

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng ____ *[Ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất].*

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng ____ *[Ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh tiến độ mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất].*

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là ____ *[Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày].*

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau ____ *[Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày].*

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày*].

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều ... [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày*] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày*].

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian ____ [*Ghi cụ thể là sau bao nhiêu ngày*].

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều ... [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày*] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [*Ghi cụ thể là không dưới bao nhiêu ngày*].

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành ____ lần [*Ghi rõ số lần tiến hành nghiệm thu sản phẩm và cụ thể công việc phải nghiệm thu của từng lần nghiệm thu sản phẩm tư vấn*].

Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành ____ [*Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này*].

Lần 2: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành ____ [*Ghi cụ thể công việc phải nghiệm thu của lần nghiệm thu này*].

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục số ... [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng)*].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành là ____ [*Ghi cụ thể Nhà thầu tư vấn sẽ hoàn thành phần công việc nào, vào ngày... tháng... năm.... nào*].

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian tạm ứng chậm nhất là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực*].

Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu % giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là bao nhiêu, số tiền bằng chữ là bao nhiêu*].

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là ____ [*Ghi cụ thể số lần thanh toán*].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là ____ [*Ghi cụ thể số lần thanh toán (ví dụ như: lần 1, lần 2,...) và tỷ lệ thanh toán là bao nhiêu % giá trị hợp đồng*].

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là ____ [*Ghi cụ thể trong vòng bao nhiêu ngày*].

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là ____ [*Ghi cụ thể trong vòng bao nhiêu ngày*].

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là ____ [*Ghi cụ thể số ngày tiến hành hòa giải tối đa*].

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là ____ [*Ghi cụ thể trong vòng bao nhiêu ngày*].

Giải quyết tranh chấp là ____ [*Ghi cụ thể thời gian và cơ chế giải quyết tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp,...*].

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng

Khoảng thời gian thương hợp đồng là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu tháng*].

Mức thương tối đa là ____ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu % giá trị của phần làm lợi hợp đồng*].

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi cụ thể thời gian chậm là bao nhiêu ngày*].

Tỷ lệ phạt là ____ [*Ghi cụ thể tỷ lệ là bao nhiêu % giá hợp đồng*].

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là ____ [*Ghi cụ thể tỷ lệ là bao nhiêu % giá trị hợp đồng*].

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: *[Ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:*

- *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;*

- *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường,... phù hợp với pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan].*

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm *[Ghi cụ thể ngày... tháng... năm... có hiệu lực của hợp đồng]*.

Hợp đồng này bao gồm ___ trang *[Ghi cụ thể số lượng trang của hợp đồng]*, và ___ Phụ lục *[Ghi cụ thể số lượng Phụ lục của hợp đồng]* được lập thành ___ bản *[Ghi cụ thể số lượng bản hợp đồng được phát hành]* bằng tiếng Việt (hoặc ngôn ngữ khác hoặc song ngữ nếu có) có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ ___ bản *[Ghi cụ thể số lượng bản Chủ đầu tư giữ]*, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ ___ bản *[Ghi cụ thể số lượng bản Nhà thầu tư vấn giữ]*.

**CHỦ ĐẦU TƯ
HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng
dấu)

**NHÀ THẦU TƯ VẤN
HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN**
(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng
dấu)

Mẫu số 17 (Webform trên Hệ thống)**THƯ CHẤP THUẬN HSDX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ: ____
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi

nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

| <i>TT</i> | <i>Tiêu chuẩn đánh giá</i> | <i>Điểm tối đa</i> | <i>Thang điểm chi tiết</i> | <i>Điểm tối thiểu</i> |
|-----------|--|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| 1 | Kinh nghiệm nhà thầu | 15 | | 10 |
| 1.1 | <i>Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây</i> | 5 | | |
| 1.1.1 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i> | 2,5 | | |
| | <i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 2,5 | |
| | <i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,25 | |
| | <i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 1,75 | |
| | <i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 1.1.2 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i> | 2,5 | | |
| | <i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 2,5 | |
| | <i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,25 | |
| | <i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 1,75 | |
| | <i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 1.2 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á</i> | 5 | | |
| 1.2.1 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i> | 2,5 | | |
| | <i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 2,5 | |
| | <i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,25 | |
| | <i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 1,75 | |
| | <i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 1.2.2 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i> | 2,5 | | |

| <i>TT</i> | <i>Tiêu chuẩn đánh giá</i> | <i>Điểm tối đa</i> | <i>Thang điểm chi tiết</i> | <i>Điểm tối thiểu</i> |
|-----------|--|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| | <i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 2,5 | |
| | <i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,25 | |
| | <i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 1,75 | |
| | <i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 1.3 | <i>Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam</i> | 6 | | |
| 1.3.1 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i> | 3 | | |
| | <i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 3 | |
| | <i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,7 | |
| | <i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 2,1 | |
| | <i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1,2 | |
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 1.3.2 | <i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i> | 3 | | |
| | <i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 3 | |
| | <i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i> | | 2,7 | |
| | <i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 2,1 | |
| | <i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 1,2 | |
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 2 | <i>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</i> | 5 | | |
| | <i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)</i> | | 5 | |
| | <i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 75% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)</i> | | 4,5 | |

| TT | Tiêu chuẩn đánh giá | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|-----------|--|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| | <i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 50% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)</i> | | 3,5 | |
| | <i>Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 25% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)</i> | | 2 | |
| | <i>Không có hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm) hoặc nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu</i> | | 0 | |
| 3 | Giải pháp và phương pháp luận | 30 | | 20 |
| 3.1 | <i>Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu</i> | 5 | | |
| 3.1.1 | <i>Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu</i> | 2 | | |
| 3.1.2 | <i>Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần</i> | 1,5 | | |
| 3.1.3 | <i>Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)</i> | 1,5 | | |
| 3.2 | <i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i> | 5 | | |
| 3.2.1 | <i>Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.</i> | 2 | | |
| 3.2.2 | <i>Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ</i> | 1,5 | | |
| 3.2.3 | <i>Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)</i> | 1,5 | | |
| 3.3 | <i>Sáng kiến cải tiến</i> | 2 | | |
| 3.3.1 | <i>Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án</i> | 1 | | |
| 3.3.2 | <i>Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến</i> | 1 | | |
| 3.4 | <i>Cách trình bày đề xuất</i> | 2 | | |

| TT | Tiêu chuẩn đánh giá | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|------------|---|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| 3.4.1 | Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi | 1 | | |
| 3.4.2 | Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục | 1 | | |
| 3.5 | Kế hoạch triển khai | 10 | | |
| 3.5.1 | Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng | 5 | | |
| 3.5.2 | Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến | 2,5 | | |
| 3.5.3 | Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo | 2,5 | | |
| 3.6 | Bố trí nhân sự hợp lý | 6 | | |
| 3.6.1 | Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu | 3 | | |
| 3.6.2 | Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai | 3 | | |
| 4 | Nhân sự | 50 | | 40 |
| 4.1 | Tư vấn trưởng | 13 | | 11 |
| 4.1.1 | Trình độ chung | 3 | | |
| a | Bằng cấp | 1,5 | | |
| | Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm) | | 1,05 | |
| | Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| b | Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan | 1,5 | | |
| | ≥ 15 năm (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | $10 - < 15$ năm (đạt 70% số điểm) | | 1,05 | |
| | $5 - < 10$ năm (đạt 40% số điểm) | | 0,6 | |
| | < 5 năm (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.1.2 | Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự | 6 | | |
| a | Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước | 2 | | |
| | ≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm) | | 2 | |

| <i>TT</i> | <i>Tiêu chuẩn đánh giá</i> | <i>Điểm tối đa</i> | <i>Thang điểm chi tiết</i> | <i>Điểm tối thiểu</i> |
|-----------|---|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| | 3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm) | | 1,4 | |
| | 1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm) | | 0,8 | |
| | 0 dự án (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| <i>b</i> | <i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i> | 2 | | |
| | ≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm) | | 2 | |
| | 3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm) | | 1,4 | |
| | 1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm) | | 0,8 | |
| | 0 dự án (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| <i>c</i> | <i>Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc</i> | 2 | | |
| | ≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm) | | 2 | |
| | 3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm) | | 1,4 | |
| | 1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm) | | 0,8 | |
| | 0 dự án (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.1.3 | <i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i> | 1,5 | | |
| | ≥ 15 năm (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | 10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm) | | 1,2 | |
| | 5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm) | | 0,75 | |
| | 1 - 5 năm (đạt 30% số điểm) | | 0,45 | |
| | ≤ 1 năm (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.1.4 | <i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i> | 1,5 | | |
| | ≥ 5 năm (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | 3 - 4 năm (đạt 70% số điểm) | | 1,05 | |
| | 1 - 2 năm (đạt 50% số điểm) | | 0,75 | |
| | Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.1.5 | <i>Trình độ tiếng Anh</i> | 1 | | |

| TT | Tiêu chuẩn đánh giá | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|------------|---|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Tốt (đạt 100% số điểm) | | 1 | |
| | Khá (đạt 70% số điểm) | | 0,7 | |
| | Trung bình (đạt 40% số điểm) | | 0,4 | |
| | Kém (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.2 | Tư vấn phó | 9 | | 7 |
| 4.2.1 | Trình độ chung | 2 | | |
| a | Bằng cấp | 1 | | |
| | Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm) | | 1 | |
| | Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm) | | 0,7 | |
| | Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| b | Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan | 1 | | |
| | ≥ 15 năm (đạt 100% số điểm) | | 1 | |
| | $10 - < 15$ năm (đạt 70% số điểm) | | 0,7 | |
| | $5 - < 10$ năm (đạt 40% số điểm) | | 0,4 | |
| | < 5 năm (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| 4.2.2 | Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự | 4,5 | | |
| a | Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước | 1,5 | | |
| | ≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | 3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm) | | 1,05 | |
| | 1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm) | | 0,6 | |
| | 0 dự án (đạt 0 điểm) | | 0 | |
| b | Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải | 1,5 | | |
| | ≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm) | | 1,5 | |
| | 3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm) | | 1,05 | |
| | 1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm) | | 0,6 | |

| TT | Tiêu chuẩn đánh giá | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|------------|---|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| <i>c</i> | <i>Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc</i> | 1,5 | | |
| | <i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 1,5 | |
| | <i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 1,05 | |
| | <i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i> | | 0,6 | |
| | <i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 4.2.3 | <i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i> | 1 | | |
| | <i>≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)</i> | | 0,8 | |
| | <i>5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)</i> | | 0,3 | |
| | <i>≤ 1 năm (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 4.2.4 | <i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i> | 1 | | |
| | <i>≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,7 | |
| | <i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 4.2.5 | <i>Trình độ tiếng Anh</i> | 0,5 | | |
| | <i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>Khá (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,35 | |
| | <i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i> | | 0,2 | |
| | <i>Kém (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| 4.3 | <i>Chuyên gia, kỹ sư khác</i> | 28 | | 22 |
| 4.3.1 | <i>Kỹ sư cấp nước</i> | 4 | | |
| 4.3.2 | <i>Kỹ sư thoát nước</i> | 4 | | |

| <i>TT</i> | <i>Tiêu chuẩn đánh giá</i> | <i>Điểm tối đa</i> | <i>Thang điểm chi tiết</i> | <i>Điểm tối thiểu</i> |
|-----------|--|--------------------|----------------------------|-----------------------|
| 4.3.3 | <i>Kỹ sư công nghệ xử lý</i> | 4 | | |
| 4.3.4 | <i>Kỹ sư địa chất</i> | 4 | | |
| 4.3.5 | <i>Kỹ sư xây dựng dân dụng</i> | 4 | | |
| 4.3.6 | <i>Chuyên gia về môi trường</i> | 4 | | |
| 4.3.7 | <i>Chuyên gia tái định cư và các vấn đề xã hội</i> | 4 | | |
| | <i>Tiêu chuẩn đánh giá của các chuyên gia, kỹ sư khác</i> | | | |
| <i>a</i> | <i>Bằng cấp</i> | 0,5 | | |
| | <i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,35 | |
| | <i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| <i>b</i> | <i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i> | 1 | | |
| | <i>>= 7 năm (đạt 100% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>4 - < 7 năm (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,7 | |
| | <i>2 - < 4 năm (đạt 50% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>< 2 năm (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |
| <i>c</i> | <i>Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự</i> | 1 | | |
| | <i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i> | | 1 | |
| | <i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,7 | |
| | <i>1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>0 dự án</i> | | 0 | |
| <i>d</i> | <i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i> | 0,5 | | |
| | <i>>= 5 năm (đạt 100% số điểm)</i> | | 0,5 | |
| | <i>3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)</i> | | 0,35 | |
| | <i>1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)</i> | | 0,25 | |
| | <i>< 1 năm (đạt 0 điểm)</i> | | 0 | |

| <i>TT</i> | <i>Tiêu chuẩn đánh giá</i> | <i>Điểm tối đa</i> | <i>Thang điểm chi tiết</i> | <i>Điểm tối thiểu</i> |
|--------------------|--|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| <i>d</i> | <i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i> | <i>0,5</i> | | |
| | <i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i> | | <i>0,5</i> | |
| | <i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i> | | <i>0,25</i> | |
| | <i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i> | | <i>0</i> | |
| <i>e</i> | <i>Trình độ tiếng Anh</i> | <i>0,5</i> | | |
| | <i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i> | | <i>0,5</i> | |
| | <i>Khá (đạt 70% số điểm)</i> | | <i>0,35</i> | |
| | <i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i> | | <i>0,25</i> | |
| | <i>Kém (đạt 0 điểm)</i> | | <i>0</i> | |
| <i>Tổng</i> | | <i>100</i> | | <i>70</i> |